

Số: 456/BC-UBND

Hòa Thành, ngày 14 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THỊ XÃ
9 THÁNG NĂM 2022

I. Thu ngân sách: (Biểu số 94/CK-NSNN)

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (thu nội địa) lũy kế đến ngày 30/9/2022 là 355.892 triệu đồng, đạt 138,16% dự toán, so cùng kỳ tăng 133,52 %, cụ thể như sau:

- Có 7/9 khoản thu đạt vượt dự toán gồm:

- + Lệ phí trước bạ nhà đất: 96.997 triệu đồng, đạt 222,98 % dự toán
- + Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước: 2.651 triệu đồng, đạt 220,92% dự toán.
- + Thu khác ngân sách: 16.165 triệu đồng, đạt 201,06% dự toán.
- + Thuế thu nhập cá nhân: 50.042 triệu đồng, đạt 145,05% dự toán
- + Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 3.844 triệu đồng, đạt 128,13% dự toán.
- + Thu tiền sử dụng đất: 82.956 triệu đồng, đạt 127,62% dự toán.
- + Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 96.998 triệu đồng, đạt 104,30% dự toán.

- Có 2/9 khoản thu đạt trên 50% dự toán:

- + Thu phí, lệ phí: 4.130 triệu đồng, đạt 68,83% dự toán.
- + Thu khác tại xã: 1.983 triệu đồng, đạt 59,02% dự toán.

II. Chi ngân sách: (Biểu số 93/CK-NSNN, Biểu số 95/CK-NSNN)

- Ngân sách địa phương cân đối điều hành chi trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo nguồn hoạt động thường xuyên, chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các khoản chi thiết yếu khác. Tổng chi ngân sách địa phương 9 tháng năm 2022 là 495.791 triệu đồng, đạt 101,18% dự toán, so cùng kỳ tăng 4,05 % bao gồm:

1. Chi đầu tư phát triển: 200.605 triệu đồng đạt 246,33 % so dự toán.
2. Chi thường xuyên: 294.127 triệu đồng, đạt 74,00 % so dự toán, bao gồm:
 - Chi đảm bảo xã hội: 52.053 triệu đồng, đạt 155,35 % so dự toán.
 - Chi sự nghiệp thể thao: 1.019 triệu đồng, đạt 105,05 % so dự toán
 - Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 44.792 triệu đồng, đạt 72,90 % so dự toán.



- Chi sự nghiệp kinh tế: 20.299 triệu đồng, đạt 66,47 % so dự toán.
 - Chi quốc phòng-an ninh: 14.495 triệu đồng, đạt 65,46 % so dự toán.
 - Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề: 145.189 triệu đồng, đạt 65,56 % so dự toán.
 - Chi sự nghiệp VHTT và truyền thanh: 2.714 triệu đồng, đạt 63,41% so dự toán.
 - Chi sự nghiệp môi trường: 11.466 triệu đồng, đạt 60,35 % so dự toán.
 - Chi khác: 466 triệu đồng, đạt 23,59 % so dự toán.
3. Chi hoàn trả giữa các cấp: 125 triệu đồng.

Trên đây là báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành. /

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tài chính Tây Ninh;
- Văn phòng Thị ủy;
- Các phòng, ban thuộc UBND thị xã;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã;
- Tòa án nhân dân thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Vân





CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	Thực hiện 9 tháng năm 2022	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3=2/I</i>	<i>4</i>
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	490.010	721.892	147,32	223,32
I	Thu cân đối NSNN	269.570	354.166	131,38	280,73
1	Thu nội địa (số thu điều tiết)	269.570	354.166	131,38	280,73
2	Thu viện trợ				
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	220.440	289.186		
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		75.547		
IV	Thu kết dư ngân sách năm 2021		2.993		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	490.010	495.791	101,18	155,52
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	489.340	495.269	101,21	155,35
1	Chi đầu tư phát triển	81.410	200.539	246,33	149,99
2	Chi thường xuyên	398.140	294.605	74,00	159,15
3	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên		125		
4	Chi dự phòng ngân sách	9.790		0,00	
II	Chi từ nguồn BS có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	670	522		

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2022



Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng năm 2022	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3=2/I</i>	<i>4</i>
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	257.600	355.892	138,16	233,52
I	Thu nội địa	257.600	355.892	138,16	233,52
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	93.000	96.998	104,30	171,30
4	Thuế thu nhập cá nhân	34.500	50.042	145,05	201,39
5	Thuế bảo vệ môi trường	0			
6	Lệ phí trước bạ	43.500	96.997	222,98	408,98
7	Thu phí, lệ phí	6.000	4.130	68,83	113,49
8	Các khoản thu về nhà, đất	69.200	89.451	129,26	262,17
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.000	3.844	128,13	195,23
-	Thu tiền sử dụng đất	65.000	82.956	127,62	258,33
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.200	2.651	220,92	7.164,86
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ cấp giấy phép khai thác tài nguyên		126		
10	Thu khác ngân sách	8.040	16.165	201,06	254,41
11	Thu khác tại xã (bao gồm: Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác)	3.360	1.983	59,02	64,74
II	Các khoản thu quản lý qua ngân sách				
B	THU NGÂN SÁCH ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	269.570	354.166	131,38	181,74
1	Các khoản thu phân chia	185.688	261.157	140,64	174,45
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	83.882	93.009	110,88	205,91

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng năm 2022	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	490.010	495.791	101,18	104,05
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	489.340	495.269	101,21	103,95
I	Chi đầu tư phát triển	81.410	200.539	246,33	107,46
1	Chi đầu tư cho các dự án	67.910	187.039	275,42	104,48
2	Chi ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội	500	500	100,00	33,33
3	Chi đầu tư tạo lập Quỹ phát triển đất tỉnh	13.000	13.000	100,00	
II	Chi thường xuyên	398.140	294.605	74,00	101,64
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	221.450	145.189	65,56	99,09
2	Chi khoa học và công nghệ	130	6	4,62	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	3.377	2.628	77,82	
4	Chi sự nghiệp VH-TT và truyền thanh	4.280	2.714	63,41	214,21
6	Chi thể dục thể thao	970	1.019	105,05	
7	Chi bảo vệ môi trường	19.000	11.466	60,35	114,36
8	Chi hoạt động kinh tế	29.868	19.777	66,21	61,13
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	61.442	44.792	72,90	87,84
10	Chi bảo đảm xã hội	33.506	52.053	155,35	178,28
11	Chi quốc phòng-an ninh	22.142	14.495	65,46	89,65
12	Chi khác	1.975	466	23,59	143,83
13	Chi NS xã, phường				
III	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên		125		
IV	Dự phòng ngân sách	9.790		0,00	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	670	522	77,91	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	670	522	77,91	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông cho Ban An toàn giao thông cấp thị xã, cấp xã phường (500 triệu đồng/thị xã; 25 triệu đồng/xã phường)	670	522	77,91	